

Bản án số: 39/2020/HNGĐ-ST
Ngày 08/5/2020
V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỀN PHƯỚC, TỈNH QUẢNG NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trình Minh Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Thanh Hải.

Ông Nguyễn Sơn Cước.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Tấn Nhựt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 02 năm 2020 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T**, sinh năm: 1986. Địa chỉ: Thôn 02, xã TA, thị xã AK, tỉnh GL.

- Bị đơn: Anh **Ca Văn A.**, sinh năm: 1987. Địa chỉ: Thôn 03, xã TA, huyện TP, tỉnh QN.

Chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh A. có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 24/02/2020 và các lời khai tiếp theo cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Ca Văn A. tự nguyện tìm hiểu, xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TAN, thị xã AK, tỉnh GL vào năm 2012. Cuộc sống chung giữa chị và anh A. không hạnh phúc, phát sinh nhiều mâu thuẫn do anh chị tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Trong thời gian chung sống anh A. không lo làm ăn, không có trách nhiệm với vợ con. Vào năm 2014, chị có nộ đơn xin ly hôn với

anh Ca Văn A. tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, sau đó thì chị rút đơn nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không cải thiện được. Cùng từ thời gian đó đến nay chị và anh A. đã không còn sống chung với nhau nữa dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn. Hiện nay chị cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Ca Văn A..

- Về con chung: Chị và anh A. có một người con chung là cháu Ca Tường V, sinh ngày 14/3/2012. Hiện nay cháu V đang sống cùng chị. Sau khi ly hôn, chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu V đến khi đủ 18 tuổi, chị không yêu cầu anh A. cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về chia tài sản khi ly hôn: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 12/3/2020 cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị đơn anh Ca Văn A. trình bày: Anh và chị T kết hôn vào năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TAn, thị xã AK, tỉnh GL vào năm 2012. Giữa anh và chị T có xảy ra mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, thêm vào đó do điều kiện công việc làm ăn nên anh và chị T ít chung sống với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng có nhiều rạn nứt. Vì anh vẫn còn tình cảm vợ chồng với chị T nên anh không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị T.

Về con chung: Anh và chị T có 01 con chung như chị T đã trình bày. Tại bản tự khai ngày 12/3/2020 và Biên bản hòa giải ngày 12/3/2020 anh thống nhất theo nguyện vọng của chị T, giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, anh không cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên theo bản trình bày ý kiến ngày 31/3/2020 và tại phiên tòa, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V vì anh cho rằng chị T không đủ điều kiện nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh A. khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước, tỉnh Quảng Nam tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Ca Văn A.. Giao cháu Ca Tường V, sinh ngày 14/3/2012 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi, chị T không yêu cầu anh A. cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. Các đương sự không yêu cầu giải quyết về tài sản chung, nợ chung nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị Lê Thị T là nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa anh A. đề nghị hoãn phiên tòa để anh sắp xếp việc gia đình, yêu

cầu của anh A. không chính đáng nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Ca Văn A. kết hôn trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TAn, thị xã AK, tỉnh GL vào năm 2012. Việc kết hôn giữa chị T và anh A. là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký theo đúng quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua các lời khai của các đương sự cũng như các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Cuộc sống chung giữa chị T và anh A. phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp nhau bất đồng quan điểm sống, năm 2014 chị T đã từng nộp đơn xin ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tiên Phước, sau đó chị rút đơn lại nhưng mâu thuẫn giữa vợ chồng vẫn không có gì cải thiện. Do điều kiện công việc, chị T và anh A. không sống chung với nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng có nhiều rạn nứt không thể hàn gắn được. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Tòa án đã nhiều lần tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ về chung sống với nhau cùng nuôi dạy con cái, xây dựng hạnh phúc gia đình nhưng không thành. Mặc dù, anh A. tha thiết mong muốn đoàn tụ gia đình, tuy nhiên chị T lại kiên quyết xin ly hôn. Xét thấy, hiện nay chị T, anh A. không còn chung sống với nhau, tình cảm vợ chồng cũng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị T là có cơ sở phù hợp cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị T và anh A. có một con chung là cháu Ca Tường V, sinh ngày 14/3/2012. Sau khi ly hôn, chị T và anh A. đều có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu V. Xét nguyện vọng nuôi cháu V của chị T và anh A. là hoàn toàn chính đáng. Tuy nhiên, hiện nay cháu V đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng được ở với chị T đồng thời cháu V từ trước đến nay vẫn do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, cháu đã quen môi trường sinh hoạt học tập, cháu V là con gái cần sự chăm sóc của mẹ hơn. Vì vậy, việc giao cháu V cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với điều kiện thực tế và đúng quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình. Chị T cho rằng mình đủ điều kiện nuôi con và không có yêu cầu anh A. cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[5] Từ những nhận định nêu trên, xét thấy ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Phước tại phiên tòa là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56, 58 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị

quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T đối với anh Ca Văn A..

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lê Thị T ly hôn với anh Ca Văn A..

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ca Tường V, sinh ngày 14/3/2012 cho đến khi cháu V đủ 18 tuổi. Anh Ca Văn A. không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh A. có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được quyền cản trở. Khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0004570 ngày 25/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiên Phước. Chị T đã nộp đủ án phí.

Chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được giao nhận hoặc niêm yết bản án. Anh Ca Văn A. có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (8.5.2020).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND huyện Tiên Phước;
- Chi cục T.H.A huyện Tiên Phước;
- UBND xã T An, thị xã AK;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trình Minh Hùng